

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮKMIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/DS-ST
Ngày: 30/7/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 30-6-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-DS ngày 16-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N– Có mặt.

Địa chỉ: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà T– Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đắc Hà, xã Đắc Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 30-9-2020 của nguyên đơn, lời khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà N trình bày:

Ngày 03/12/2018, bà N cho bà T vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi vay bà T có viết giấy vay nợ và giao cho bà N 01 sổ hộ khẩu và 01 chứng minh thư nhân dân để làm bằng chứng. Các bên thỏa thuận bằng miệng về lãi cho vay là 0,2%/tháng và hạn đến ngày 03/3/2019, bà T phải trả nợ gốc và lãi. Bà N

đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T thanh toán nợ nhưng bà T hứa hẹn nhiều lần cũng không trả.

Bà N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc bà T phải trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và phải chịu khoản tiền theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước từ khi vay cho đến khi trả xong nợ đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết theo hồ sơ thụ lý số: 245/2020/TLST-DS, ngày 14/10/2020. Trong quá trình giải quyết, bà T đã đến nhà gặp bà N và xin cho trả nợ dần, do đó bà N đã rút đơn khởi kiện để hai bên tự thỏa thuận với nhau về việc trả nợ nhưng sau khi Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đình chỉ giải quyết vụ án thì bà T đổi ý nói không có tiền nên không trả.

Vì vậy, bà N khởi kiện lại và yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật kể từ ngày 14/10/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ.

2. Đối với bị đơn bà T: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ

14/10/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền vay ngày 03/12/2018 nên phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản (vay tiền) được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà T có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bà T đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, bà T phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà N yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo giấy xác nhận nợ ngày 03/12/2018 có chữ ký của bà T. Như vậy, hợp đồng vay tài sản (vay tiền) là có thật được thể hiện qua giấy viết tay do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bản gốc, có chữ ký xác nhận của bị đơn. Thỏa thuận của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Hội đồng xét xử xét thấy, cần công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà N và bà T theo giấy xác nhận nợ ngày 03/12/2018. Về cơ bản nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản nói riêng và hợp đồng dân sự nói chung.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[2.2] Về thời hạn trả nợ: Giấy xác nhận nợ ngày 03/12/2018 không thể hiện thời hạn vay, không thỏa thuận lãi suất cho vay. Ngày 14-10-2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo đơn khởi kiện của bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N có đơn xin rút đơn khởi kiện vì lý do để hai bên tự thỏa thuận với nhau về việc trả nợ. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 38/2021/QĐST-DS ngày 28-4-2021. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 06-5-2021, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc bà T phải trả số nợ đã vay là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Việc bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà N là vi phạm thực hiện nghĩa vụ dân sự và nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật dân sự.

Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định: “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....*”.

[2.3] Về khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà N yêu cầu bà T phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 14-10-2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà N là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự

Khoản 4 Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”.

Buộc bà T phải thanh toán cho bà N khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể ngày 14/10/2020 đến ngày xét xử ngày 30/7/2021 là: 100.000.000 đồng x 10%/năm x 8 tháng 16 ngày = 7.111.000 đồng.

[3] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải thanh toán cho bà N tổng số tiền gốc là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 7.111.000 đồng (Bảy triệu một trăm mười một nghìn đồng). Từ ngày

31/7/2021, bà T phải tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: $107.111.000 \text{đồng} \times 5\% = 5.356.000 \text{đồng}$ (*Năm triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà N thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí trong vụ án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N

Buộc bà T phải trả cho bà N số tiền gốc là: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 7.111.000 đồng (*Bảy triệu một trăm mười một nghìn đồng*), tính đến ngày 30/7/2021. Tổng số tiền 107.111.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu một trăm mười một nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2021) bà T tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà T phải nộp 5.356.000 đồng (*Năm triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Lại Hồng Duy